

MỐI QUAN HỆ GIỮA CƠ HỘI HOẠT ĐỘNG THỂ CHẤT VỚI LƯỢNG HOẠT ĐỘNG THỂ CHẤT VÀ BMI Ở HỌC SINH TIỂU HỌC

Lê Xuân Điệp⁽¹⁾; Tô Trung Kiên⁽²⁾
Ma Đức Tuấn⁽³⁾; Phan Thái Anh⁽⁴⁾

Tóm tắt:

Cơ hội hoạt động thể chất (HĐTC) là thời gian trường học dành cho tất cả các hoạt động khác ngoài quá trình giáo dục chính quy trong lớp học. Cơ hội HĐTC càng lớn thời gian dành cho HĐTC cũng sẽ tăng theo tỉ lệ thuận. Mục đích của nghiên cứu là đánh giá mối liên hệ của cơ hội HĐTC đối với lượng HĐTC và chỉ số BMI thực tế của học sinh Tiểu học. Kết quả cho thấy có sự thay đổi về lượng HĐTC và BMI khỏe mạnh của học sinh đối với các yếu tố quy mô, vị trí trường, tính thiết thực và thời gian nghỉ giữa các giờ học.

Từ khóa: Cơ hội hoạt động thể chất, lượng hoạt động thể chất, học sinh Tiểu học.

Relationship among physical activity opportunities, physical activity intake and BMI in primary school students

Summary:

Physical activity opportunities are school time, which is spent on all other activities outside the formal educational process in the classroom. The more opportunity students have, the more time students spend for physical activities proportionally. The purpose of the study is in order to evaluate the relationship among physical activity opportunities, physical activity intake and BMI in primary school students. The results show that there is a change in physical activity intake and healthy BMI of students with respect to the factors such as school size, location, practicality and break time between classes.

Keywords: Physical activity opportunities, physical activity intake, primary school students.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Lượng HĐTC thấp liên quan đến sức khỏe trong lứa tuổi thành thiếu niên, làm tăng nguy cơ béo phì, mắc các bệnh về tim mạch, huyết áp và tăng nguy cơ tử vong sớm [1]. Vì vậy, để đảm bảo các lợi ích tốt nhất và lâu dài về sức khỏe, các chuyên gia khuyến cáo về mức HĐTC hàng ngày từ vừa phải → mạnh phải ≥ 60 phút. Tuy nhiên, tỉ lệ đáp ứng khuyến cáo đối với lứa tuổi học sinh Tiểu học trên thế giới không cao, ở các nước kinh tế phát triển như Mỹ tỉ lệ này cũng chỉ đạt 61 → 62% [2]. Tại Việt Nam, chưa có báo cáo nào về vấn đề này, hơn nữa do các đặc điểm về kinh tế, xã hội và áp lực học tập, dự báo tỉ lệ này còn thấp hơn nhiều.

Các trường phổ thông các cấp tại Việt Nam đều có quy định chương trình giáo dục thể chất (GDTC), tuy nhiên lượng HĐTC chưa được quy

định chính xác. Vì vậy việc đánh giá lượng HĐTC của học sinh Tiểu học là điều cần thiết để xem xét các mối quan hệ giữa lượng vận động tích lũy từ GDTC với sức khỏe, qua đó xem xét, đánh giá hoặc điều chỉnh phù hợp với mục tiêu và thực tế.

Trên các mẫu nghiên cứu lớn, thời gian HĐTC đã được chứng minh có liên quan trực tiếp đến sức khỏe của học sinh Tiểu học [3]. Nghiên cứu này tiến hành xác định thời gian HĐTC và các yếu tố liên quan tác động tới HĐTC của học sinh Tiểu học. Nghiên cứu được thực hiện theo kiểu cắt ngang với mục tiêu là đánh giá các cơ hội HĐTC ở trường học (giờ GDTC; HĐTC giờ ra chơi; thời gian HĐTC trong lớp, trước và sau giờ học) và mức tổng hợp về thể chất của học sinh Tiểu học được lấy tại khu vực Yên Phong, Bắc Ninh.

⁽¹⁾TS, Trường ĐHSP Hà Nội 2; ⁽²⁾TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

⁽³⁾TS, Trường ĐHSP – ĐH Thái Nguyên; ⁽⁴⁾TS, Trường ĐH TDTT TP.HCM

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**Đối tượng khảo sát**

16 trường chấp nhận và hỗ trợ nghiên cứu được đưa vào khảo sát thu thập số liệu. Khảo sát được tiến hành bởi thành viên nghiên cứu và hỗ trợ của các giáo viên GDTC tại các trường. Tổng số giáo viên tham gia và cung cấp các dữ liệu về giờ học GDTC, các hoạt động thể chất là 36. Số lượng học sinh được quan sát và thu thập số liệu = 1/4 tổng số học sinh các khối lớp (lựa chọn học sinh ngẫu nhiên được thực hiện = <https://www.random.org/sequences/>). Tổng số học sinh được quan sát và thu thập chỉ số BMI = 874 (lớp 1=163; lớp 2=166; lớp 3=160; lớp 4=181; lớp 5=204) với tỉ lệ nam = 463 (53%), nữ = 411 (47%).

Kế hoạch nghiên cứu và thu thập dữ liệu nghiên cứu**Kế hoạch nghiên cứu:**

Hoạt động thu thập dữ liệu được thực hiện trong học kỳ 1 năm học 2019-2020. Các quá trình phân tích, xử lý số liệu và đối chiếu, điều chỉnh được thực hiện trong học kỳ 2 cùng năm học.

Thu thập dữ liệu nghiên cứu:

- Kết quả GDTC trường học: Ngoài kết quả học GDTC được yêu cầu chuyển về hệ số điểm (10 điểm), nghiên cứu bổ xung kiểm tra test chạy tùy sức 5 phút, bật xa tại chỗ và lực bóp thuận tay. Tất cả kết quả kiểm tra được quy đổi về 1 hệ số điểm duy nhất với tỉ lệ cân bằng cho cả 4 nội dung.

- BMI: Cân nặng được đo bằng cân điện tử Beurer BF950 (độ chuẩn xác 0.1kg), chiều cao được đo bằng phần mềm Measure (độ chuẩn xác 0.1cm).

- Lượng GDTC các giờ học GDTC và nghỉ giữa giờ: giờ học GDTC được thống kê theo số lượng và chia thành 2 loại ghép và không ghép giờ. Thời gian nghỉ giữa giờ được phân chia thành các loại: 1→5, 6→10, 11→15, 16→20, 21→25 và > 25 phút/ngày học.

- Hoạt động thể chất trước, sau giờ GDTC: Được thu thập đánh giá theo dạng nhị phân có và không.

- Các biến tiềm ẩn: Gồm có giới tính, quy mô trường (số lượng học sinh), địa phương cư trú của học sinh (thị xã, thị trấn, nông thôn).

Phân tích số liệu

Các phân tích được thực hiện bằng IBM SPSS Statistics 22.0. Dữ liệu được mô tả dưới dạng trung bình $\pm$ độ lệch chuẩn (SD) hoặc tần số, tỉ lệ. Các phân tích nhị phân được thực hiện để đánh giá kết quả GDTC và BMI theo thời gian HĐTC, quy mô và khu vực trường học. Một phân tích nhị biến khác được tiến hành cho HĐTC với giới tính và quy mô, vị trí trường học theo dạng biến liên tục.

Các phân tích phân phối nhị thức hoặc rủi ro tương đối được thực hiện (không và có điều chỉnh với tỉ lệ phổ biến ước tính: PR) để đánh giá mối quan hệ giữa các cơ hội HĐTC và PR các HĐTC. Các định lượng được xác định của PR bao gồm: các HĐTC đã thực hiện (HĐTC trong giờ học, GDTC, giờ giải lao và nghỉ giữa giờ) cho mỗi cơ hội tăng 20 phút cho HĐTC (cơ hội HĐTC trước, sau giờ học: Tỉ lệ phổ biến - PR của các mức HĐTC thường xuyên được tính là kết quả so sánh giữa cơ hội HĐTC của các trường có và không có HĐTC trước, sau giờ học). Mức xác suất có ý nghĩa $p < 0.01$ được sử dụng cho tất cả các phân tích, các phân tích kiểm nghiệm lặp lại là $p < 0.05$.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**1. Kết quả nghiên cứu****1.1. Các đặc điểm đối tượng khảo sát**

Tỉ lệ học sinh thay đổi tùy theo từng trường và số lượng nam cao hơn nữ; học sinh ở khu vực nông thôn chiếm tỉ lệ đa số = 71.2%; điểm GDTC của nam cao và tập trung hơn của nữ; số lượng thừa cân của học sinh nam cao hơn nữ (17.24 và 13.67), đồng thời số lượng học sinh nữ trong mức BMI sức khỏe bình thường cao hơn nam (76.11 và 71.64) (bảng 1).

1.2. Tỉ lệ phổ biến trung bình của hoạt động thể chất và BMI

Kết quả bảng 2 cho thấy: đối với HĐTC, tỉ lệ phổ biến thấp nhất của nữ được thấy tại biến nghỉ giữa giờ (46.8) và cao nhất tại thời gian học GDTC (71.0); tỉ lệ phổ biến thấp nhất của nam là nghỉ giữa giờ (58.6) và cao nhất tại khu vực nông thôn (75.4). Đối với BMI, tỉ lệ phổ biến thấp nhất của nữ là nghỉ giữa giờ (52.4) và cao nhất tại thời gian học GDTC (66.1); tỉ lệ phổ biến thấp hơn của học sinh nam được xác định

Bảng 1. Đặc điểm đối tượng khảo sát (n =874) và trường học trong khảo sát (n =16)

Biến		Chỉ số	Phân phối
Nam (theo trường; trung bình $\pm$ SD)		58.5	± 27.6
Nữ (theo trường; trung bình $\pm$ SD)		52.7	± 28.9
Quy mô trường		477.3	± 182.3
Địa phương cư trú của học sinh (n/%)	Thành thị	252	28.80%
	Nông thôn	622	71.20%
Thời gian học GDTC (phút/tuần)		180.7	± 5.1
Nghỉ giữa giờ (phút/tuần)		92.6	± 8.4
Hoạt HĐTC trong lớp (phút/tuần)		31.3	± 19.2
Thời gian cơ hội HĐTC trong giờ học		304.6	± 32.7
Tỉ lệ trường có HĐTC trước giờ học		4	25%
Tỉ lệ trường có HĐTC sau giờ học		7	43.70%
Điểm GDTC nữ		7.8	± 1.6
Điểm GDTC nam		8.4	± 1.4
BMI nữ (% trung bình/trường)	Béo phì	0.22	± 3.38
	Thừa cân	23.67	± 5.29
	Bình thường và gầy	76.11	± 16.5
BMI nam (%trung bình/trường)	Béo phì	1.12	± 2.73
	Thừa cân	27.24	± 8.01
	Bình thường và gầy	71.64	± 19.6

Bảng 2. Tỉ lệ phổ biến trung bình của hoạt động thể chất, BMI đối với điểm hoạt động thể chất, quy mô và khu vực trường học

Biến		Hoạt động thể chất				BMI			
		Nữ		Nam		Nữ		Nam	
		TB/ %	CI 99 %	TB/ %	CI 99 %	TB/ %	CI 99 %	TB/ %	CI 99 %
Thời gian HĐTC	Thời gian học GDTC	29.6	63.2.71.0	30.7	69.6.73.5	29.4	63.2.66.1	30.5	55.0.64.7
	Nghỉ giữa giờ	24.2	46.8.62.1	25.1	58.6.72.3	24.3	52.4.57.3	25.6	53.7.61.2
	HĐTC trong lớp	27.7	57.9.66.5	29.9	65.2.72.6	27.4	54.3.61.7	29.6	56.8.62.0
Quy mô trường	≤ 500 học sinh	26.3	61.2.65.5	28.7	68.4.71.6	25.7	57.2.60.7	29.2	56.2.60.8
	≥ 500 học sinh	26.4	61.8.66.1	29.2	68.9.73.5	26	58.5.60.9	29.5	57.5.59.7
Khu vực trường học	Thành thị	26.6	48.6.63.2	29.1	59.6.73.8	26.8	53.4.58.0	29.2	54.1.60.8
	Nông thôn	26.8	60.3.69.7	29.8	69.8.75.4	26.9	57.9.62.8	29.6	51.8.61.6

tại khu vực nông thôn (51.8) và cao nhất tại thời gian học GDTC (64.7).

1.3. Tỉ lệ phổ biến của GDTC

Kết quả bảng 3 cho thấy: tất cả các biến đều có liên quan đến lượng HĐTC. Đối với các biến

chưa được điều chỉnh, các trường có HĐTC trước giờ học có tỉ lệ HĐTC cao hơn từ 7.9→11.8% (trong đó tỉ lệ thấp nhất là HĐTC trước giờ học của nữ, cao nhất là HĐTC sau giờ học của nam). Tỉ lệ hoạt HĐTC đối với các

Bảng 3. Tỷ lệ phổ biến của hoạt động thể chất khi so sánh các yếu tố liên quan

	Nữ				Nam			
	PR	CI 99%	PR*	CI 99%	PR	CI 99%	PR*	CI 99%
HĐTC trong lớp ^{1,2}	1.04	0.87,1.01	1	0.88,1.02	1	0.96,1.01	1	0.95,1.01
Giờ học GDTC ¹	0.73	0.86,1.01	1	0.82,1.01	1	0.94,1.01	1	0.96,1.01
Nghỉ giữa giờ ¹	1.01	0.91,1.03	1	0.83,1.01	0.94	0.94,1.03	1	0.94,1.01
HĐTC trong nghỉ giữa giờ ¹	1	0.81,1.02	0.84	0.89,1.04	1	0.092,1.02	1	0.94,1.02
HĐTC trước giờ học ³	1.10 [#]	0.79,1.04 [#]	1.1	0.96,1.09	1.03 [#]	1.01,1.11 [#]	1.01	0.97,1.06
HĐTC sau giờ học ³	1.02	0.87,1.09	1.02	0.91,1.10	1.01	0.90, 1.18	1.02	0.99,1.04

*Ghi chú: *: tỉ lệ đã được điều chỉnh cho kết quả GDTC, giới tính, quy mô, khu vực trường;
1: tỉ lệ phổ biến thay đổi theo các lần tăng thời gian HĐTC (20 phút/tuần); 2: điều chỉnh bổ xung thêm các biến của thời gian HĐTC; 3: tỉ lệ đã được điều chỉnh theo số lượng các trường có và không có HĐTC trước, sau giờ học; #: tại p <0.01.*

Bảng 4. Tỷ lệ phổ biến của BMI so với hoạt động thể chất (n =16)

Biến	Nữ				Nam			
	PR	CI 99%	PR*	CI 99%	PR	CI 99%	PR*	CI 99%
HĐTC trong lớp ^{1,2}	1.01	0.94.1.02	0.95	0.96.1.02	1.01	0.98.1.01	1.01	0.97.1.01
Giờ học GDTC ¹	1	0.96.1.01	1	0.94.1.01	1.02	0.93.1.01	1.02	0.98.1.02
Nghỉ giữa giờ ¹	1.03 [#]	1.01.1.03 [#]	1.01	0.97.1.04	1.02 [#]	1.02.1.03 [#]	1.01	0.98.1.01
HĐTC trong nghỉ giữa giờ ¹	0.96	0.93.1.01	1.03	0.94.1.01	0.96	0.92.1.02	1	0.97.1.01
HĐTC trước giờ học ³	1.03	0.97.1.11	1	0.93.1.04	1.02	0.94.1.06	1	0.95.1.04
HĐTC sau giờ học ³	0.92	0.91.1.02	0.94	0.98.1.02	0.94	0.90.1.01	1.03	0.96.1.01

*Ghi chú: *: tỉ lệ đã được điều chỉnh cho kết quả GDTC, giới tính, quy mô, khu vực trường;
1: tỉ lệ phổ biến thay đổi theo các lần tăng thời gian HĐTC (20 phút/tuần); 2: điều chỉnh bổ xung thêm các biến của thời gian HĐTC; 3: tỉ lệ đã được điều chỉnh theo số lượng các trường có và không có HĐTC trước, sau giờ học; #: tại p <0.01.*

trường không có HĐTC trước giờ học chỉ từ 7.9→10.1%. Sau khi điều chỉnh với các biến tiềm ẩn, mối quan hệ của các trường có HĐTC sau giờ học cho thấy: các mối quan hệ có sự khác biệt không đáng kể hoặc rõ ràng, đồng thời có tính tập trung hơn hẳn; nhóm học sinh nữ có tỉ lệ HĐTC cao hơn ở các trường có HĐTC sau giờ học (PR =1.02, I 99%: 0.91,1.10) nhưng không có ý nghĩa thống kê với p >0.05.

1.4. Tỉ lệ phổ biến của BMI với hoạt động thể chất trong trường học

Kết quả bảng 4 cho thấy các HĐTC trong trường học ít hoặc không có liên quan đến BMI của học sinh cả 2 giới. Tuy nhiên, khi điều chỉnh đối với số liệu ban đầu về thời gian nghỉ giữa

giờ, các tỉ lệ HĐTC tốt hơn được tìm thấy đối với thời gian cao tương ứng, cụ thể các trường sử dụng thời gian nghỉ giữa giờ thiết thực hơn cho HĐTC và >95 phút/ngày có tỉ lệ BMI tốt hơn một chút so với các trường không quản lý thời gian nghỉ giữa giờ và thời gian ít hơn, tỉ lệ này dao động từ 3→8% trong nhóm BMI bình thường. Đồng thời, tỉ lệ được điều chỉnh cho nghỉ giữa giờ tổng thể cũng khả quan hơn số liệu ban đầu (nữ =1.01, CI 99%: 0.97,1.04; nam =1.01, CI 99%:0.98,1.01).

2. Bàn luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy thời gian các trường học dành cho các HĐTC đều có thể tác động đến lượng HĐTC tích cực và BMI khỏe

mạnh, tuy nhiên mức độ tác động không lớn. Vì vậy việc tăng các HĐTC trước và sau giờ học có thể được cho là phương án tối ưu để đáp ứng lượng HĐTC khuyến cáo cũng như chỉ số BMI khỏe mạnh. Đồng thời, tăng và tận dụng tốt các khoảng thời gian nghỉ giữa giờ có thể tăng lượng HĐTC và tỉ lệ BMI khỏe mạnh đối với học sinh Tiểu học.

Phân tích kết quả cũng cho thấy thời gian, cơ hội HĐTC tại trường có thể ảnh hưởng thấp tới năng lực HĐTC và BMI so với các yếu tố liên quan ngoài trường. Một kết quả tương tự được tìm thấy ở nghiên cứu của Richmond T.K. và cộng sự năm 2014 [4] khi cho rằng yếu tố thu nhập trung bình của hộ gia đình có liên quan nghịch với BMI ở học sinh nữ chứ không phải điều kiện và tham gia các HĐTC. Đồng thời, báo cáo của Donnelly J.E. và cộng sự năm 1996 [5] cũng cho rằng các can thiệp bằng HĐTC có thể dẫn đến các hành vi tăng lượng dinh dưỡng ăn vào hoặc giảm tiêu hao năng lượng thông qua có và không có HĐTC ngoài trường học.

Tuy kết quả của nghiên cứu này không thực sự thu được những giá trị khả quan, nhưng cũng cho thấy tính hiệu quả thực tế của các yếu tố HĐTC trường học đối với lượng HĐTC, GDTC và các chỉ số cơ thể khỏe mạnh. Kết quả thu được từ nghiên cứu này không giống với các nghiên cứu khác trước đây có thể được giải thích do sự khác biệt về chương trình GDTC và các HĐTC trong trường học là không đồng nhất. Kết quả tăng cường thường được ghi nhận đối với các nghiên cứu can thiệp tăng cường HĐTC ở nhiều khía cạnh khác nhau, trong khi đó nghiên cứu này chỉ đơn thuần đánh giá một chiều các yếu tố thực tế sẵn có.

Hạn chế của nghiên cứu: 1) nghiên cứu bỏ qua một số yếu tố quan trọng như năng lực HĐTC của học sinh, đặc điểm của đối tượng khảo sát (hứng thú với HĐTC, lịch sử bệnh lý, các hành vi ít vận động...), môi trường học tập,... các yếu tố này được cho là có thể có liên quan đến chất lượng HĐTC [6]; 2) mức độ chính xác của các dữ liệu về HĐTC trong các quãng thời gian được cung cấp bởi các giáo viên còn thiếu tính chính xác. Nguyên nhân của vấn đề này có nhiều nhưng chủ yếu là sự khác biệt về trình độ

và mức độ quan tâm tới hoạt động của nghiên cứu này (không có khinh phí).

KẾT LUẬN

Kết quả của nghiên cứu cho thấy có sự thay đổi về tỉ lệ HĐTC và BMI khỏe mạnh của học sinh Tiểu học đối với các yếu tố quy mô, vị trí trường, tính thiết thực và thời gian nghỉ giữa các giờ học. Thông qua kết quả thu được, nghiên cứu đề xuất phải có các nghiên cứu sâu hơn nữa nhằm định lượng chính xác lượng HĐTC, qua đó đưa ra các kế hoạch phù hợp nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển thể chất tối ưu cho học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ganley K.J, et al. Health-related fitness in children and adolescents. *Pediatr Phys Ther.* 2011;23:208–220.
2. Bai Y., et al. Prevalence of youth fitness in the United States: baseline results from the NFL PLAY 60 FITNESSGRAM partnership project. *J Pediatr.* 2015;167:662–668.
3. <http://www.shapeamerica.org/advocacy/son/index.cfm>.
4. Richmond T.K, et al. School programs and characteristics and their influence on student BMI: Findings from healthy passages. *PLoS One.* 2014;9:1–5.
5. Donnelly J.E, Jacobsen D.J, Whatley J.E, Hill J.O, Swift L.L, Cherrington A, et al. Nutrition and physical activity program to attenuate obesity and promote physical and metabolic fitness in elementary school children. *Obes Res.* 1996; 4:229–243
6. Martin K, et al. School and individual-level characteristics are associated with children's moderate to vigorous-intensity physical activity during school recess. *Aust N.Z.J Public Health,* 2012, October; 36:469–477.

(Bài nộp ngày 22/9/2021, phản biện ngày 25/10/2021, duyệt in ngày 22/11/2021)
 Chịu trách nhiệm chính: Lê Xuân Điệp
 Email: lexuandiep@hpu2.edu.vn)

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

3. NGUYỄN VĂN PHÚC

Phát biểu đề dẫn hội thảo khoa học “Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp TDTT – Giá trị lý luận và thực tiễn trong phát triển TDTT hiện nay”

Nguyen Van Phuc

Scientific conference title “President Ho Chi Minh with the sports career - theoretical and practical values in the development of physical training and sports today”

5. TRƯƠNG QUỐC UYÊN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về thể thao thành tích cao

Truong Quoc Uyen

Ho Chi Minh's thoughts on high-achievement sports

8. VŨ THỊ KIM YẾN

Chủ tịch Hồ Chí Minh - tấm gương sáng về giữ gìn và rèn luyện sức khỏe

Vu Thi Kim Yen

President Ho Chi Minh - a shining example of health maintenance and exercise

12. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để phát triển phong trào rèn luyện Thể dục thể thao toàn dân trong giai đoạn hiện nay

Nguyen Thi Thanh Huyen

Applying Ho Chi Minh's thoughts in developing the movement of physical training and sports in the community in the current period

17. NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò của thể dục thể thao và ý nghĩa trong giai đoạn cách mạng hiện nay

Nguyen Thi Kim Dung

Ho Chi Minh's opinions about the role of sport and its meaning in the current revolutionary period

21. NGUYỄN VĂN PHÚC; NGUYỄN TIẾN SƠN

Công tác bồi dưỡng cán bộ Thể dục thể thao của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh

Nguyen Van Phuc; Nguyen Tien Son

Enhancing staffs in physical training and sports at the Bac Ninh Sports University today - following Ho Chi Minh's thoughts

27. VŨ HOÀNG SƠN; NGUYỄN VĂN HÙNG

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến với nhiệm vụ giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên hiện nay

Vu Hoang Son; Nguyen Van Hung

The call to national resistance and the task of educating and fostering revolutionary ideals for today's youth

29. TRẦN MINH TRƯỜNG

Khỏe để xây dựng và bảo vệ tổ quốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Tran Minh Truong

Be healthy and strong to develop and defend the country according to Ho Chi Minh's thought

32. NGUYỄN VĂN TUẤN

Phát triển đội ngũ giảng viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh trong giai đoạn hiện nay

Nguyen Van Tuan

Developing the lecturers force at the Bac Ninh Sports University in the current period

QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO VÀ THỂ DỤC THỂ THAO QUẦN CHÚNG

36. BUI TRỌNG PHƯƠNG

Lựa chọn giải pháp trọng tâm và phân việc cụ thể nhằm đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở Khoa Quân sự, Võ thuật, Thể dục thể thao – Học viện An ninh nhân dân

Bui Trong Phuong

Selecting key solutions and specific tasks to promote learning and following Ho Chi Minh's ideology, morality and style at the Faculty of Military, Martial Arts, Physical Education and Sports - People's Security Academy

41. ĐẶNG VĂN DŨNG

Thực trạng hướng dẫn, hỗ trợ người khuyết tật tham gia thể dục thể thao thích ứng ở các Trung tâm Văn hóa đô thị

Dang Van Dung

Actual situation of guiding and supporting people with disabilities (PWDs) to participate in adaptive sports and physical training in urban cultural centers

44. ĐỖ HỮU TRƯỜNG; PHAN ĐỨC THẮNG

So sánh đặc điểm nhân khẩu học của người dân tập luyện Thể dục thể thao thường xuyên khu vực miền núi thuộc các miền tại Việt Nam

Do Huu Truong; Phan Duc Thang

Compare the demographic characteristics of people practicing sports regularly in mountainous areas in different regions of Vietnam

51. ĐẶNG VĂN KHAI

Giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy các học phần môn học Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Công đoàn

Dang Van Khai

Solutions for innovative teaching methodology in Physical Education subjects for students of Trade Union University

57. TRẦN VĂN KHÔI; NGÔ DUY ĐÔNG

Giải pháp phát triển phong trào tập luyện thể dục thể thao cho nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Tran Van Khoi; Ngo Duy Dong

Solutions to develop the movement of physical training and sports for residents in Dong Anh district, Hanoi city

61. BUI THI LIEU

Lựa chọn biện pháp thay đổi phương pháp dạy và học môn GDTC tại Học viện Ngân hàng
Bui Thi Lieu

Choosing measures to alternate the method of teaching and learning Physical Education subject at Banking Academy

65. NGUYỄN THỊ DIỆP LY

Thực trạng phong trào tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên không chuyên giáo dục thể chất Trường Đại học Hồng Đức

Nguyen Thi Diep Ly

The current situation of extracurricular sports movement of non-PE specialized students at Hong Duc University

70. NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG

Giải pháp phát triển phong trào thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên không chuyên ngành thể dục thể thao, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Nguyen Duc Truong

Solutions extracurricular sports movement of non-PE specialized students at Thai Nguyen University of Education

75. MAI THỊ BÍCH NGỌC; TRẦN TRUNG KHÁNH; DƯƠNG VĂN PHƯƠNG

Nhận thức, đánh giá của người dân khu vực miền núi về hoạt động thể dục thể thao Quần chúng

Mai Thi Bich Ngoc; Tran Trung Khanh; Duong Van Phuong

Awareness and assessment of people living in mountainous areas about public sports activities

80. CHU XUÂN TIẾN

Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên

Chu Xuan Tien

Choosing solutions to improve the efficiency of extracurricular sports activities for students at the University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

88. PHÙNG XUÂN DŨNG; LÊ THỊ THU THÚY

Xây dựng biện pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội

Phung Xuan Dung; Le Thi Thu Thuy

Effectiveness of measures in improving the quality of student management activity at Hanoi University of Physical Education and Sports

92. NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG

Giải pháp lựa chọn việc làm thêm cho sinh viên Trường Đại học sư phạm – Đại học thái nguyên theo định hướng nghề nghiệp

Nguyen Duc Truong

Solutions for choosing part-time jobs for students at the Thai Nguyen University of Education according to career orientation

96. NGUYỄN THU HƯỜNG

Biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý công tác đào tạo sau đại học tại Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Thu Huong

Measures to improve the efficiency of postgraduate training management at Bac Ninh Sports University

100. NGUYỄN HỒNG ĐĂNG

Thực trạng thể dục thể thao quần chúng gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2012-2017

Nguyen Hong Dang

The current situation of public physical training and sports associated with the movement of developing Nong Thon Moi in Bac Giang province in the period 2012-2017

106. LÝ ĐỨC TRƯỜNG

Thực trạng phong trào tập luyện Boxing trên địa bàn Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ly Duc Truong

Actual situation of boxing training movement in Bac Ninh city, Bac Ninh province

110. NGUYỄN XUÂN HOẠT; ĐOÀN LÊ XUÂN HẠNH; PHAN THÁI ANH

Thử nghiệm đánh giá nhận thức và chất lượng cuộc sống liên quan đến sức khỏe của nhóm người cao tuổi tập luyện Cầu lông thường xuyên lứa tuổi 60-69 tại Từ Sơn

Nguyen Xuan Hoat; Doan Le Xuan Hanh; Phan Thai Anh

Experiment to assess health-related awareness and life quality of elderly people who regularly practice badminton aged 60-69 in Tu Son

115. NGÔ SÁCH THỌ

Đặc điểm phát triển thể chất của học sinh dân tộc thiểu số lứa tuổi 11 -14 khu vực Trung du miền núi phía Bắc Việt Nam, thời điểm tháng 10/2018

Ngo Sach Tho

Physical development characteristics of ethnic minority students aged 11-14 in the Northern midland and mountainous regions of Vietnam in October 2018

121. PHAN BỬU TÚ

Thực trạng sử dụng hệ thống quản lý học tập LMS trong dạy học môn giáo dục thể chất tại Trường Đại học Đà Lạt

Phan Buu Tu

Actual situation of deploying LMS learning management system in teaching Physical Education at Da Lat University

128. NGUYỄN HOÀNG MINH THUẬN; NGUYỄN ANH TRÍ; NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG

Thực trạng nhu cầu và sự hài lòng của người tham gia tại giải Marathon quốc tế Đà Lạt Ultra Trail

Nguyen Hoang Minh Thuan; Nguyen Anh Tri; Nguyen Thi Kim Phuong

Current status of requirements and satisfaction of participants at the Da Lat Ultra Trail International Marathon Race

135. LÊ XUÂN ĐIẾP; DƯƠNG VĂN VĨ

Tác động sau 12 tuần tập luyện thái cực quyền đến lượng vận động, hiệu quả phòng ngừa té ngã của người cao tuổi từ 60-69 tuổi phía bắc Việt Nam

Le Xuan Diep; Duong Van Vi

Impact of practicing Tai chi on physical activity and fall prevention effectiveness after 12 weeks of the elderly aged 60-69 in the Northern of Vietnam

144. NGUYỄN HỮU HÙNG

Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cử nhân chuyên ngành thể dục Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Huu Hung

Solutions to improve the training quality of bachelor's degree - holding human resources in Physical Education at the Bac Ninh Sports University

GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC

151. PHẠM ĐỨC VIỄN; VŨ CHUNG THỦY

Thực trạng hiệu quả nội dung chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc

Pham Duc Vien; Vu Chung Thuy

Actual situation of content effectiveness in Physical Education Bachelor's training program at Tay Bac University

156. NGUYỄN KHÁNH DUY; HÀ VĂN TOÁN; NGUYỄN THIỆN QUANG

Lựa chọn bài tập phát triển sức nhanh di chuyển cho nam sinh viên chuyên sâu Quần vợt năm nhất Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyen Khanh Duy; Ha Van Toan; Nguyen Thien Quang

Selecting exercises to develop strength for tennis-specialized male freshmen at the University of Sport Ho Chi Minh City

162. TRẦN THỊ HỒNG VIỆT; TRẦN HUYỀN TRANG

Lựa chọn nhóm phương pháp dạy học môn Bóng bàn cho sinh viên phổ tu Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Tran Thi Hong Viet; Tran Huyen Trang

Choosing a group of table tennis teaching methods for students at Bac Ninh Sports University

166. ĐẶNG VĂN KHAI

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác Giáo dục thể chất của sinh viên Trường Đại học Công đoàn

Dang Van Khai

The factors affecting the Physical Education organization work for students at Trade Union University

171. PHAN VĂN THẨM

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá thể lực chuyên môn bóng chuyền cho sinh viên nam Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Vinh

Phan Van Tham

Developing fitness-assessment standards in volleyball subject for male students at Vinh University of Technology and Education

174. TRƯƠNG THỊ HỒNG TUYỀN

Lựa chọn bài tập nâng cao thành tích nhảy xa kiểu ngồi cho nữ sinh K68 khối không chuyên giáo dục thể chất Trường Đại học sư phạm Hà Nội

Truong Thi Hong Tuyen

Selecting exercises to stride long jumping technique performance for K68 non-PE specialized female students, at Hanoi National University of Education

180. TRẦN THANH HOÀI

Thực trạng kết quả học tập và những sai lầm thường mắc trong học tập nội dung nhảy xa ưỡn thân của sinh viên Trường Đại học Điện lực

Tran Thanh Hoai

The learning results and regular mistakes while learning hang style in long jump of students at Electric Power University

183. TRẦN THUY

Thực trạng thể chất của học sinh lớp 6 trên địa bàn Thành phố Đồng Hới – Quảng Bình

Tran Thuy

Fitness status of grade-6 students in Dong Hoi city - Quang Binh

188. TRẦN VĂN TRƯỜNG; NGUYỄN NGỌC TUẤN; ĐÀM CÔNG TÙNG; NGUYỄN VĂN DŨNG

Thực trạng mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội về năng lực nghề nghiệp của cử nhân Thể dục thể thao Chuyên ngành Cờ Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Tran Van Truong; Nguyen Ngoc Tuan; Dam Cong Tung; Nguyen Van Dung

The status of social-requirement-satisfied level in terms of professional competence of PE Bachelor owner specializing in Board game at Bac Ninh Sports University

194. NGUYỄN VĂN TOÀN; CAO TRƯỜNG GIANG; LÊ TRỌNG ĐỘNG

Thực trạng công tác Giáo dục thể chất tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam trong tình hình dịch bệnh Covid-19

Nguyen Van Toan; Cao Truong Giang; Le Trong Dong

Actual situation of Physical Education organization works at Vietnam National University of Agriculture during Covid-19 pandemic

201. NGUYỄN XUÂN HƯƠNG

Lựa chọn bài tập khắc phục những sai lầm thường mắc trong thực hiện kỹ thuật đánh bóng cho sinh viên Golf năm thứ nhất Ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Xuan Huong

Selecting exercises to overcome common mistakes in golf ball-hitting technique for first-year Golf-majoring students studying in the Sports Training Department of Bac Ninh Sports University

206. TRẦN XUÂN GIANG

Lựa chọn biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ thể dục thể thao sinh viên Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

Tran Xuan Giang

Choosing measures to improve the operating quality of student's sports clubs at the University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

212. NGUYỄN THẾ HẠNH; ĐẶNG ĐỨC HOÀN; ĐỖ THÀNH TRUNG

Nghiên cứu tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập môn Cờ vua cho sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Nguyen The Hanh; Dang Duc Hoan; Do Thanh Trung

Research on standards for assessing learning outcomes in chess subject for students at Vietnam National University of Agriculture

217. NGUYỄN VĂN PHÚC; NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Thực trạng công tác phát triển thể lực cho học viên sĩ quan chỉ huy tham mưu lục quân cấp phân đội chuyên ngành trinh sát đặc nhiệm, Trường Sĩ quan Lục quân 1

Nguyen Van Phuc; Nguyen Van Cuong

Actual situation of fitness development for Military-dividing-level Army staff commanding officers majoring in Special Police at Army Officer School 1

223. PHẠM ANH TUẤN; NGUYỄN VĂN HẠNH; PHẠM PHI ĐIẾP

Biện pháp phát triển thể lực chung cho sinh viên hệ cao đẳng, Trường Đại học Giao thông vận tải

Nguyen Anh Tuan; Nguyen Van Hanh; Pham Phi Diep

Research on measures for developing general fitness for college students at University of Transport and Communication

MỤC LỤC

227. NGUYỄN NGỌC KHÔI; PHẠM HẢI YẾN

Lựa chọn phương pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ thuật cho sinh viên chuyên ngành Karate
Ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Ngoc Khoi; Pham Hai Yen

Choosing methods to improve the effectiveness in teaching techniques for students majoring
in Karate in the Sports Training Department at Bac Ninh Sports University

231. NGUYỄN VĂN THẠCH

Hiệu quả ứng dụng bài tập giảng dạy kỹ thuật tay cho sinh viên chuyên ngành Cầu lông Ngành
Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Van Thach

Exercise-applied effectiveness in teaching handy techniques for students majoring in Badminton
in the Department of Physical Education at Bac Ninh Sports University

236. TRẦN VĂN TÙNG

Đặc điểm phát triển thể chất của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tran Van Tung

Physical development characteristics of students at Hanoi Metropolitan University

241. TẠ HỮU HIẾU; PHẠM BÁ DŨNG; NGUYỄN VĂN TỈNH; NGUYỄN THỊ THU HÀ; NGUYỄN VĂN HƯNG

Biện pháp khắc phục các sai lầm thường mắc trong hoạt động giải bài tập toán cho học sinh
Trường Phổ thông năng khiếu Thể dục thể thao Olympic

Ta Huu Hieu; Pham Ba Dung; Nguyen Van Tinh; Nguyen Thi Thu Ha; Nguyen Van Hung

Measures to overcome students' regular mistakes in solving Math problems at the Olympic
Gifted High School of Sports

246. NGUYỄN SONG TUẦN HẢI

Đề xuất biện pháp nâng cao hứng thú tập luyện cho võ sinh câu lạc bộ Vovinam Trường Trung
học cơ sở Huỳnh Thúc Kháng - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng

Nguyen Song Tuan Hai

Proposing measures to improve the student's interest in practicing in Vovinam in the Vovinam
clubs at Huynh Thuc Khang Secondary School - Thanh Khe District - Da Nang City

251. VÕ XUÂN THỦY; LÊ QUANG HUY

Thực trạng và nguyên nhân ảnh hưởng đến năng lực dạy học thực hành môn Giáo dục thể chất
của sinh viên Khoa Thể dục Thể thao, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Vo Xuan Thuy; Le Quang Huy

Situation and causes affecting the proficiency in practical teaching in Physical Education subject
of students at the Faculty of Physical Education and Sports, Thai Nguyen University of Education

257. TRẦN MINH TUẤN; TRẦN NGỌC CƯỜNG

Xây dựng chương trình môn Bóng rổ theo mô hình câu lạc bộ trong đào tạo tín chỉ tại Trường
Đại học Sài Gòn

Tran Minh Tuan; Tran Ngoc Cuong

Developing the basketball program according to the club model under credit course system at
Saigon University

263. PHẠM ANH TUẤN; ĐOÀN THANH NAM; NGUYỄN VĂN TRUNG

Nghiên cứu bài tập phát triển thể lực cho học viên năm thứ nhất, Học viện An ninh nhân dân

Pham Anh Tuan; Doan Thanh Nam; Nguyen Van Trung

Research on physical development exercises for first-year students at the People's Security
Academy

267. TRẦN VĂN HƯNG

Lựa chọn bài tập nâng cao thể lực cho nam học viên Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy
Tran Van Hung

Selecting exercises to improve fitness for male students at the University of Fire Prevention and Fighting

271. NGUYỄN XUÂN TRỌNG

Lựa chọn bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam sinh viên Bóng bàn Khoa Giáo dục thể chất Trường Đại học Hồng Đức

Nguyen Xuan Trong

Choosing exercises to develop speed strength for male students studying table tennis in the Department of Physical Education, Hong Duc University

276. HOÀNG HẢI; PHẠM ĐỨC THẠNH; PHẠM VIỆT ĐỨC; NGÔ DUY TOÀN

Thực trạng hoạt động ngoại khóa môn bơi mang bao gói trang bị của học viên năm thứ nhất Trường Đại học Chính trị

Hoang Hai; Pham Duc Thanh; Pham Viet Duc; Ngo Duy Toan

Situation of extracurricular activities in swimming with equipment packs of first-year students of the Political University

281. LÊ VƯƠNG ANH

Ứng dụng giải pháp nâng cao chất lượng dạy học môn bóng bàn cho sinh viên Ngành Huấn luyện thể thao – Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Le Vuong Anh

Applying solutions to improve the quality in teaching table tennis for students majoring in Sports coaching at the Bac Ninh Sports University

287. NGUYỄN VĂN TUYẾN

Kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất tại Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy

Nguyen Van Tuyen

Evaluate the effectiveness of solutions used to improve Physical Education work at the University of Fire Prevention and Fighting

293. NGUYỄN DUY HÙNG

Xây dựng tiêu chuẩn kiểm tra - đánh giá trình độ tập luyện học phần Bóng đá cho sinh viên Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hồng Đức

Nguyen Duy Hung

Developing test standards in order to assess the training level in the Football module of students majoring in Physical Education at the Hong Duc University

296. DƯƠNG THÁI BÌNH

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực cho nam sinh viên năm thứ nhất không chuyên Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hồng Đức

Duong Thai Binh

Selecting exercises to develop fitness for first-year male students who are non-specialized in Physical Education at the Hong Duc University

301. TRẦN PHÚC BA; ĐÌNH QUANG KIỀU

Thực trạng chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ dưới góc nhìn đa chiều

Tran Phuc Ba; Dinh Quang Kieu

The current status of the university-level training program in Physical Education at Hung Vuong University, Phu Tho province under a multi-dimensional perspective

306. HOÀNG DUY TƯƠNG; NGUYỄN THỊ BÌNH

Thực trạng nội dung, hình thức, động cơ và nhu cầu tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên chuyên ngành Điều trị đa khoa năm thứ 2 Trường Đại học Y dược - Đại học Thái Nguyên

Hoang Duy Tuong; Nguyen Thi Binh

Current status of content, style, motivation and demand for extra-curricular sports training for second-year students learning in General Practitioner at the Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy

312. LÊ THỊ THANH THỦY; NGUYỄN TRỌNG BÓN; LƯU XUÂN THÁI

Thực trạng hoạt động đào tạo cử nhân Thể dục thể thao chuyên ngành Bóng ném - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Le Thi Thanh Thuy; Nguyen Trong Bon; Luu Xuan Thai

Current status of Bachelor's degree in Sports training program in Handball major at the Bac Ninh Sports University

318. NGUYỄN HOÀNG ĐIỆP; ĐẶNG PHƯƠNG THẢO

Ứng dụng bài tập phát triển sức mạnh nâng cao thành tích chạy 100m cho nam sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hùng Vương, tỉnh Phú Thọ

Nguyen Hoang Diep; Dang Phuong Thao

Applying strength development exercises to improve 100m running performance for non-specialized Physical Education students at the Hung Vuong University, Phu Tho province

322. NGUYỄN MỸ VIỆT

Thực trạng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Cầu lông của học sinh trung học phổ thông thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Nguyen My Viet

Situation of extra-curricular badminton training activities of high school students in Tuyen Quang city, Tuyen Quang province

327. HOÀNG CÔNG MINH

Lựa chọn bài tập nâng cao hiệu quả chiến thuật tấn công phá phòng thủ 1 kèm 1 trong thi đấu Bóng rổ cho nam sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Hoang Cong Minh

Selecting exercises to improve the effectiveness of 1-on-1 defensive counterattack tactics in the Basketball competition for male students at Vinh University of Technology and Education

331. TRẦN THỊ GÁI; NGUYỄN VIỆT HỒNG

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chung cho nữ sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Yersin Đà Lạt

Tran Thi Gai; Nguyen Viet Hong

Choosing exercises to develop general fitness for first-year female students at Yersin University

336. VŨ THỊ HỒNG ĐỊNH; TẠ HỮU HIẾU

Thực trạng tính tự giác, tích cực trong giờ học Giáo dục thể chất của sinh viên Khoa Du lịch Trường Đại học Hạ Long

Vu Thi Hong Dinh; Ta Huu Hieu

Actual situation of self-discipline and activeness in Physical Education class of students at Faculty of Tourism, Ha Long University

341. CAO TRƯỜNG GIANG; NGUYỄN VĂN TOÀN; NGUYỄN ANH TUẤN

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập môn học Bóng đá cho sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Cao Truong Giang; Nguyen Van Toan; Nguyen Anh Tuan

Developing standards for assessing the learning outcomes of the Football subject for students at the Vietnam National University of Agriculture

345. NGUYỄN VĂN PHÚC; ĐÀM VĂN GIANG

Thực trạng trình độ thể lực của học viên năm thứ nhất Trường Sĩ quan lục quân 1

Nguyen Van Phuc; Dam Van Giang

Current status of physical strength of first-year learners at the Army Officer School 1

349. LƯƠNG CAO ĐẠI; NGÔ HỒNG VIỆT

Ứng dụng phần mềm Kinovea đánh giá hiệu quả kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà trong giảng dạy sinh viên chuyên sâu Bóng chuyền K40 huấn luyện thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

Luong Cao Dai; Ngo Hong Viet

Application of Kinovea software to evaluate the effectiveness of teaching ball hitting technique associated with direction of momentum for k40 volleyball-specialized students in the Department of Sports training, Ho Chi Minh City University of Sports

355. VÕ XUÂN THỦY

Thực trạng thiết kế và sử dụng kế hoạch bài dạy môn Giáo dục thể chất lớp 6 theo định hướng phát triển năng lực học sinh tại Trường Nội trú IVS

Vo Xuan Thuy

The current situation of designing and using lesson plans for grade-6 Physical Education subject according to the orientation of student competence development at IVS Boarding School

361. HOÀNG VĂN TÙNG

Lựa chọn bài tập sử dụng trọng lượng cơ thể phát triển thể lực chung cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

Hoang Van Tung

Selecting exercises that use body weight to develop general fitness for students at the People's Police College II

365. NGUYỄN VĂN HUY; NGUYỄN THÀNH LONG; ĐÀO VĂN THẮNG

Lựa chọn và đánh giá hiệu quả bài tập phát triển thể lực chuyên môn chạy 100m cho nam học sinh đội tuyển Điền kinh trường Trung học phổ thông Thuận thành Số 1 – Bắc Ninh

Nguyen Van Huy; Nguyen Thanh Long; Dao Van Thang

Selecting and evaluating effectiveness of exercises used in developing male students' professional fitness in 100m running in the Athletics team at Thuan Thanh 1 High School - Bac Ninh

371. LÊ TUẤN

Thực trạng và nguyên nhân ảnh hưởng đến trình độ thể lực chung của nữ sinh viên Học viện Ngân hàng

Le Tuan

Situation and causes affecting the general fitness level of female students at Banking Academy

HUẤN LUYỆN THỂ THAO

377. LÊ TRÍ TRƯỜNG, NGÔ TRANG HƯNG, PHẠM THẾ VƯỢNG

Xây dựng khung chương trình đào tạo vận động viên cấp cao môn Bóng chuyền tại Việt Nam

Le Tri Truong, Ngo Trang Hung, Pham The Vuong

Developing a framework for training high-level volleyball athletes in Vietnam

381. NGUYỄN HỒNG ĐĂNG

Thực trạng chiến thuật phòng thủ phản công của nam vận động viên Karate Việt Nam

Nguyen Hong Dang

The current situation of defensive counter-attack tactics of Vietnamese male Karate athletes

385. NGUYỄN THÀNH LONG

Thực trạng công tác huấn luyện thể lực trong giảng dạy nhảy xa cho nam sinh viên chuyên ngành Điền kinh ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Thanh Long

Current training activity situation of long-jumping strength for male students majoring in Athletics, in the Sports Training department at Bac Ninh Sports University

390. NGUYỄN LƯƠNG KHÁNH

Xây dựng tiêu chuẩn thể lực và kỹ thuật cho nam vận động viên Bóng đá U17 Khatoco Khánh Hòa

Nguyen Luong Khanh

Developing fitness and technique standards for male athletes in the U17 Khatoco Khanh Hoa football team

395. LÊ TRÍ TRƯỜNG, ĐINH QUANG NGỌC, NGUYỄN NGỌC SỰ

Đánh giá chương trình đào tạo vận động viên Cấp cao môn Bóng chuyền tại Việt Nam thông qua các chỉ số, thông số về đào tạo và hoạt động thi đấu

Le Tri Truong, Dinh Quang Ngoc, Nguyen Ngoc Su

Evaluating the volleyball training program for high-level athletes in Vietnam through indicators and parameters in training and competition

400. VŨ CÔNG LÂM; NGUYỄN THỊ HOA

Hiệu quả ứng dụng bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nữ vận động viên Boxing lứa tuổi 14

- 15 Trung tâm Huấn luyện Thể dục thể thao tỉnh Thái Bình

Vu Cong Lam; Nguyen Thi Hoa

Effectiveness in applying exercises to develop speed strength for female boxing athletes aged 14 - 15 in Thai Binh Sports Training Center

404. NGUYỄN NGỌC CANG; NGUYỄN VĂN TRƯỜNG

Thực trạng trình độ kỹ thuật của nam vận động viên Đội tuyển Bóng chuyền Trường Đại học Phạm Văn Đồng – Quảng Ngãi

Nguyen Ngoc Cang; Nguyen Van Truong

The situation of technique performance of male athletes in the Volleyball Team at Pham Van Dong University, Quang Ngai

408. LÊ ANH DŨNG; HỒ ĐĂNG QUỐC HÙNG; TRẦN THỊ THÙY LINH

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá năng lực ở vị trí tiền đạo cho vận động viên Bóng đá nam U17 Việt Nam

Lê Anh Dũng; Ho Dang Quoc Hung; Tran Thi Thuy Linh

Developing standards for assessing performance proficiency in the striker position for Vietnam U17 men's football players

413. TÔ XUÂN THỰC, ĐẶNG VĂN DŨNG, NGÔ SÁCH THỌ

Thực trạng chương trình đào tạo vận động viên cấp cao môn Bóng chuyền tại Việt Nam

To Xuan Thuc, Dang Van Dung, Ngo Sach Tho

Current status of the training program for high-level volleyball athletes in Vietnam

417. ĐỖ XUÂN ANH

Thực trạng trình độ sức bền chuyên môn của nam vận động viên Đua thuyền Rowing lứa tuổi 15-17 Cụ ly 2000, Thành phố Hải Phòng

Do Xuan Anh

Current status of professional endurance of male 2000-meter rowing athletes aged 15-17 in Hai Phong city

TÂM LÝ, Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO

421. ĐINH QUANG NGỌC

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trạng thái tâm lý trong tập luyện và thi đấu của vận động viên Đội tuyển quốc gia các môn Bắn Súng, Bắn Cung và Cử Tạ

Dinh Quang Ngoc

Developing criteria for assessing athletes' psychological state in training and competition in the National Athletes Teams of Gun-Shooting, Archery and Weightlifting

425. ĐINH HÙNG TRƯỜNG; ĐỖ ĐÌNH DU

Đánh giá tác động của lượng vận động trong chương trình huấn luyện lên các chỉ tiêu hình thái của vận động viên Cử tạ Đội tuyển trẻ Quốc gia lứa tuổi 15-16 sau 6 tháng tập luyện

Dinh Hung Truong; Do Dinh Du

Evaluating the impact of the exercise quantity in the training program on the morphometric index of the athletes aged 15-16 after 6 months of training in the National Youth Weightlifters Team

431. TRẦN TRUNG KHÁNH; DƯƠNG VĂN PHƯƠNG

Diễn biến hình thái, chức năng tâm sinh lý và thể lực chuyên môn của nam vận động viên Karate lứa tuổi 13-14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh sau 06 tháng tập luyện

Tran Trung Khanh; Duong Van Phuong

Morphological change, psychophysiological function and professional strength of male Karate athletes aged 13-14 after 6 months of training in Binh Thanh District, Ho Chi Minh City

435. NGUYỄN VĂN TUẤN

Đánh giá hiệu quả tác động của hoạt động thể chất tới chất lượng cuộc sống và căng thẳng tâm lý của sinh viên Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang

Nguyen Van Tuan

Evaluating the effect of physical activities on quality of life and mental stress of students at Bac Giang University of Agriculture and Forestry

441. ĐINH HÙNG TRƯỜNG; ĐINH QUANG NGỌC

Trạng thái tâm lý trước và trong thời kỳ thi đấu của nữ vận động viên Bắn súng Đội tuyển trẻ quốc gia tại Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Dinh Hung Truong; Dinh Quang Ngoc

Research on psychological state during the competition period of female athletes in the National Youth Gun Shooter Team at Bac Ninh Sports University

447. LÊ XUÂN ĐIỆP; TÔ TRUNG KIÊN; MA ĐỨC TUẤN; PHAN THÁI ANH

Mối quan hệ giữa cơ hội hoạt động thể chất với lượng hoạt động thể chất và BMI ở học sinh tiểu học

MỤC LỤC

Le Xuan Diep; To Trung Kien; Ma Duc Tuan; Phan Thai Anh

Relationship among physical activity opportunities, physical activity intake and BMI in primary school students

452. ĐỖ VĂN THẬT

Thực trạng hình thái và chức năng của nam học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I thời điểm nhập trường

Do Van That

Current morphological and functional state of male students of People's Police College I at the time of admission

456. NGUYỄN NGỌC TUẤN; TRẦN TRUNG; NGUYỄN THỊ LAN ANH

Đặc điểm hình thái và cấu trúc thành phần cơ thể học sinh lứa tuổi 7 – 8, Trường Tiểu học Đình Bảng 1, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Nguyen Ngoc Tuan; Tran Trung; Nguyen Thi Lan Anh

Morphological characteristics and body composition structure of students aged 7 - 8 at the Dinh Bang 1 Primary School, Tu Son town, Bac Ninh province

TIN TỨC, SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

461. MINH ĐỨC

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh phát triển và hội nhập trong giai đoạn mới từ năm 2011 đến nay

Minh Duc

Bac Ninh Sports University has developed and integrated in a new period from 2011 to now

464. PHẠM TUẤN DŨNG

Bài tập thể lực tạ bình vôi

Pham Tuan Dung

Weight training exercises with dumbbells



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859 - 4417

SỐ ĐẶC BIỆT/2021

